

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày 04 - 6 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tấn Sinh và ông Phạm Thế Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST-DS ngày 03/01/2024 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Hải T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh V1 - Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Phạm Đức P, sinh năm 1961. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đ, thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị A, sinh năm 1957. Có mặt.

Địa chỉ: Đ, thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk là ông Nguyễn Thanh VI trình bày:*

Ngày 21/5/2007, ông Phạm Đức P và bà Dương Thị A có vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền gốc 10.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng từ ngày 21/5/2007 đến ngày 15/5/2008; lãi suất cho vay 15,6%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khi vay ông P và bà A có ký kết Sổ vay vốn số NA 078865 với Ngân hàng (tương ứng với số Hợp đồng tín dụng số 5204LAV200802857 ngày 21/5/2007), trong đó ông P là đại diện hộ gia đình, còn bà Dương Thị A và anh Phạm Duy L là thành viên hộ gia đình. Phía Ngân hàng đã giao đủ số tiền gốc vay nêu trên cho ông P, bà A.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông P và bà A đã giao cho Ngân hàng giữ 01 quyền sử dụng đất của thửa đất số 573, tờ bản đồ số 5, diện tích 120m², đất tọa lạc tại đội E, thôn B, xã Q, huyện K, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng số W 844390, số vào sổ cấp GCN: 338163 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2002 cho hộ ông Phạm Đức P.

Quá trình vay ông P và bà A mới trả cho Ngân hàng được 500.000 đồng tiền lãi. Hiện nay, khoản vay trên đã quá thời hạn trả nợ, ông P và bà A còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 36.923.403 đồng. Trong đó, số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 04/6/2024 gồm lãi trong hạn 18.796.570 đồng và lãi quá hạn 8.626.833 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P và bà A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 36.923.403 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm lẻ ba đồng). Trong đó, số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 04/6/2024 gồm lãi trong hạn 18.796.570 đồng và lãi quá hạn 8.626.833 đồng.

Ông Phạm Đức P và bà Dương Thị A phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 05/6/2024 cho đến ngày trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo Sổ vay vốn số NA 078865 (tương ứng với số Hợp đồng tín dụng số 5204LAV200802857 ngày 21/5/2007) đã ký kết với Ngân hàng.

Ngân hàng không yêu cầu anh Phạm Duy L có nghĩa vụ trả nợ khoản vay nêu trên cùng với ông P và bà A.

Để đảm bảo việc thu hồi nợ, Ngân hàng tiếp tục lưu giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng số W 844390, số vào sổ cấp GCN: 338163 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2002 cho hộ ông Phạm Đức P. Sau khi thu hồi xong nợ, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông P và bà A Giấy chứng nhận quyền sử dụng số W 844390, số vào sổ cấp GCN: 338163 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2002 cho hộ ông Phạm Đức P.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Đức P trình bày:*

Ngày 21/5/2007, vợ chồng ông P, bà A có vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K số tiền gốc 10.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng từ ngày 21/5/2007 đến ngày 15/5/2008; lãi suất cho vay 15,6%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khi vay gia đình ông P, bà A có ký kết Sổ vay vốn số NA 078865 với Ngân hàng, trong đó ông P là đại diện hộ gia đình và vợ ông P là bà Dương Thị A và con trai của ông P, bà A là anh Phạm Duy L là thành viên hộ gia đình. Gia đình ông bà đã nhận đủ số tiền vay gốc nêu trên từ Ngân hàng. Tại thời điểm vay vì con trai ông là Phạm Duy L đã đủ 18 tuổi nên Ngân hàng yêu cầu con trai ông ký vào sổ vay vốn, tuy nhiên khoản vay nêu trên không liên quan gì đến con trai ông mà chỉ có vợ chồng ông sử dụng vốn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên gia đình ông đã giao cho Ngân hàng giữ 01 quyền sử dụng đất của thửa đất số 573, tờ bản đồ số 5, diện tích 120m², đất tọa lạc tại đội E, thôn B, xã Q, huyện K, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 844390, số vào sổ cấp GCN: 338163 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2002 cho hộ ông Phạm Đức P.

Quá trình vay vợ chồng ông mới trả cho Ngân hàng được 500.000 đồng tiền lãi. Đến hạn trả nợ vào năm 2008, vợ chồng ông đã ra trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 500.000 đồng nhưng cán bộ ngân hàng không nhận và nói vợ chồng ông về, khi nào Ngân hàng thông báo thì vợ chồng ông thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Vì là người dân không hiểu biết pháp luật nên vợ chồng ông không có ý kiến gì và cầm tiền ra về. Tuy nhiên từ năm 2008 cho đến khoảng năm 2020 cán bộ tín dụng của Ngân hàng mới vào nhà ông để yêu cầu vợ chồng ông trả nợ dần theo điều kiện kinh tế của gia đình nhưng vợ chồng ông không đồng ý vì trước đó vợ chồng ông mang tiền trả cho Ngân hàng thì Ngân hàng không nhận.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung nêu trên thì vợ chồng ông P chỉ đồng ý trả số tiền gốc 10.000.000 đồng, còn tiền lãi vợ chồng ông P không đồng ý trả, vì Ngân hàng đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông hơn 10 năm làm thiệt hại đến kinh tế của gia đình ông rất nhiều. Khoản vay nêu trên không liên quan gì đến con trai ông là anh Phạm Duy L nên anh L không phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với vợ chồng ông P.

Hiện thửa đất số 573, tờ bản đồ số 5, diện tích 120m², tọa lạc tại đội E, thôn B, xã Q, huyện K, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 844390, số vào sổ cấp GCN: 338163 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2002 cho hộ ông Phạm Đức P đang do vợ chồng ông P quản lý, không tranh chấp với ai, và cũng không tặng cho hay chuyển nhượng cho ai.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị A trình bày:*

Bà A thống nhất với lời khai của bị đơn là ông Phạm Đức P là chồng bà A đã trình bày nêu trên và bà không có ý kiến gì thêm.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, giao thông báo thụ lý, thời hạn xét xử theo đúng quy định tại các điều 26, 35; 39; 48; 68; 96; 97; 102; 195; 196; 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng : Các đương sự đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo các điều 70; 71; 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Phạm Đức P và bà Dương Thị A phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 36.923.403 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm lẻ ba đồng). Trong đó, số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 04/6/2024 gồm lãi trong hạn 18.796.570 đồng và lãi quá hạn 8.626.833 đồng. Ông Phạm Đức P và bà Dương Thị A phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 05/6/2024 cho đến ngày trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo Sổ vay vốn số NA 078865 (tương ứng với số Hợp đồng tín dụng số 5204LAV200802857 ngày 21/5/2007) đã ký kết với Ngân hàng.

Trong trường hợp ông P, bà A không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng tiếp tục lưu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ.

Về án phí: Do chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nên bị đơn ông Phạm Đức P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 899.892 đồng (*tám trăm chín mươi chín nghìn tám trăm chín mươi hai đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana, Đắk Lắk theo Biên lai số AA/2021/0015715 ngày 25/12/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm Đức P, bà Dương Thị A phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ khi vay cho đến nay, đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Bị đơn ông P cư trú tại xã Q, huyện K, tỉnh Đắk

Lắc, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Đức P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quá trình ký kết thực hiện hợp đồng:

Ngày 21/5/2007, ông Phạm Đức P và bà Dương Thị A có vay vốn tại Ngân hàng số tiền gốc 10.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng từ ngày 21/5/2007 đến ngày 15/5/2008; lãi suất cho vay 15,6%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khi vay ông P và bà A có ký kết Sổ vay vốn số NA 078865 với Ngân hàng (tương ứng với số Hợp đồng tín dụng số 5204LAV200802857 ngày 21/5/2007), trong đó ông P là đại diện hộ gia đình và bà Dương Thị A và anh Phạm Duy L là thành viên hộ gia đình. Ngân hàng đã giao đủ số tiền gốc vay nêu trên cho ông P, bà A.

Thực hiện hợp đồng ông P, bà A đã trả cho Ngân hàng được một phần tiền lãi số tiền lãi 500.000 đồng, Ngân hàng yêu cầu ông P, bà A phải trả số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 04/6/2024 gồm lãi trong hạn 18.796.570 đồng và lãi quá hạn 8.626.833 đồng.

Bị đơn ông Phạm Đức P và bà Dương Thị A thừa nhận có vay của Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất và thời hạn trả nợ như đại diện Ngân hàng trình bày và mới chỉ trả tiền lãi là 500.000 đồng là đúng.

Xét ý kiến của ông P, bà A cho rằng đến hạn trả nợ năm 2008, vợ chồng ông P, bà A đến Ngân hàng trả số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 500.000 đồng nhưng cán bộ ngân hàng không nhận và nói vợ chồng ông bà về, khi nào Ngân hàng thông báo thì vợ chồng ông bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng ông P, bà A không có tài liệu chứng cứ chứng minh và phía nguyên đơn Ngân hàng không thừa nhận ý kiến này của ông P, bà A. Đồng thời Ngân hàng cho rằng đã tạo điều kiện cho vợ chồng ông P, bà A trả dần nhưng ông bà cố tình không hợp tác để trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà A cho rằng chỉ trả tiền gốc cho Ngân hàng 10.000.000 đồng, còn không trả tiền lãi, vì Ngân hàng đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà quá lâu gây thiệt hại cho vợ chồng ông bà; tuy nhiên ông bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh về thiệt hại này và đồng thời xét thấy sau khi đến hạn trả nợ Ngân hàng ông bà không chủ động trả nợ trong khi vợ chồng ông bà có nghĩa vụ phải trả nợ Ngân hàng khi đã quá hạn hơn 10 năm cho nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của vợ chồng ông P, bà A.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy: Quá hạn trả nợ, bị đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà A không trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ của người vay, căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà A phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 10.000.000đồng; tiền lãi phát sinh tính đến ngày 04/6/2024 là 26.923.403 đồng.

Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 05/6/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc theo quy định của Hợp đồng tín dụng.

[3.2]. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông P và bà A đã giao cho Ngân hàng giữ 01 quyền sử dụng đất của thửa đất số 573, tờ bản đồ số 5, diện tích 120m², tọa lạc tại đội E, thôn B, xã Q, huyện K, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 844390, sổ vào sổ cấp GCN: 338163 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2002 cho hộ ông Phạm Đức P.

Trong trường hợp ông P, bà A không trả khoản nợ nói trên, thì Ngân hàng N tiếp tục giữ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông P, bà A trả xong khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, thì Ngân hàng phải trả lại cho ông P, bà A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.846.170 đồng.

- Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 899.892 đồng (*tám trăm chín mươi chín nghìn tám trăm chín mươi hai đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana, Đắk Lắk theo Biên lai thu số AA/2021/0015715 ngày 25/12/2023.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157, Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 299; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Phạm Đức P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị A phải trả cho Ngân hàng N (Trả tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển

nông thôn huyện N - tỉnh Đắk Lắk) số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 04/6/2024 gồm lãi trong hạn 18.796.570 đồng (Mười tám triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi đồng) và lãi quá hạn 8.626.833 đồng (Tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 05/6/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc theo quy định của Hợp đồng tín dụng.

[2.1]. Sau khi ông P, bà A trả hết nợ gốc và lãi, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho ông P, bà A: Giấy chứng nhận quyền sử dụng số W 844390, số vào sổ cấp GCN: 338163 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2002 cho hộ ông Phạm Đức P.

[2.2]. Trong trường hợp ông P, bà A không trả nợ, thì Ngân hàng tiếp tục giữ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ cho Ngân hàng.

[3]. Về án phí: Buộc bị đơn ông Phạm Đức P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.846.170 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 899.892 đồng (tám trăm chín mươi chín nghìn tám trăm chín mươi hai đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana, Đắk Lắk theo Biên lai thu số AA/2021/0015715 ngày 25/12/2023.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS Krông Ana;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thành

